

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi dưới 1 %. - Năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 665 - 676 Kcal. - 100% trẻ có kĩ năng tự phục vụ.
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, Thông tư 51/2020/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2020, VBHN 01 ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo - Riêng lớp 5,6 tuổi thực hiện thêm bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi (Thông tư số 23/2010/TT- BGDDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* NHÀ TRẺ I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt của nhà trẻ. - Trẻ thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

	- Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Trẻ nghe và hiểu được một số yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI - Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện. * MẪU GIÁO I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
--	--

	- Trẻ có một số tổ chất vận động : Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ - Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Trẻ có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Trẻ có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. - Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.
--	---

		+ Nghe hiểu lời nói + Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày + Làm quen với việc đọc – viết IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI - Trẻ có ý thức về bản thân. - Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Trẻ thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ - Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Trẻ biết yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	- Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN (Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013).

Bình Chánh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

P. HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Trúc

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế,
(thời điểm tháng 06) năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	304	0	0	59	49	97	99
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	304	0	0	59	49	97	99
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	304	0	0	59	49	97	99
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	304	0	0	59	49	97	99
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	304	0	0	59	49	97	99
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	304	0	0	59	49	97	99
1	Số trẻ cân nặng bình thường	274	0	0	59	46	87	82
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	0	0	2	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	304	0	0	59	49	97	99
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	27		0	0	3	9	15
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	304	0	0	59	49	97	99

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	59	0	0	59	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	245	0	0	0	49	97	99

Bình Chánh, ngày tháng 6 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

P.HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị kim Trúc

TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,

(thời điểm tháng 6) năm học: 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	30 trẻ/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	2	2
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	5.237.48	7m2/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	896	3m2/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	990	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	690	2.3m2/trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	180	1m2/trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	300	1m2/trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	70	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	105	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	1 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8	Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	42	
1	Máy tính	16	
2	Laptop	2	
3	Máy in	8	
4	Máy photo	1	
5	Máy chiếu	2	
6	Tivi	10	
7	Máy ảnh	1	
8	Máy quay phim	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	100	10 bộ/1(lớp)
1	Loa (bao gồm loa các phòng phục vụ cho công tác giáo dục)	16	1 bộ/ 1 lớp
2	Bảng từ	10	1bộ/1 lớp
3	Bàn ghế	300	30 bộ/ 1 lớp
4	Tủ (Bao gồm tủ trang bị các phòng)	21	1 tủ/ 1 lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		10	0.7m2/trẻ	0.35m2/trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	

XVI	Tường rào xây	X	
-----	---------------	---	--

Bình Chánh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

P.HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Kim Trúc